TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/DS-ST
Ngày 26-5-2023.
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Kỳ Trung

Bà Nguyễn Thị Liêm

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1966, địa chỉ: ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị Thúy A, sinh năm: 1988; địa chỉ: ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh, (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà Hà Thị T1, sinh năm: 1979; địa chỉ: khu phố T, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 07-4-2022 và qua làm việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào ngày 25-12-2020 bà có cho bà Hà Thị T1 có mượn số tiền 20.000.000 đồng, bà T1 có thế chấp cho bà 01 chiếc xe SH mode biển số 70L1-320.48 để làm tin, hai bên thoả thuận lãi 100.000 đồng/ngày của số tiền 20.000.000 đồng. Đến ngày 01-12-2020 bà T1 bán cho ông Phạm Thành T2 chiếc xe honda Airblade biển số 95F1-765.06 số tiền 40.000.000 đồng, hai bên đã giao xe, giao tiền xong, nhưng bà T1 nói xe này đang mua trả góp ở Hậu Giang nên chưa có giấy xe giao cho ông T2, hẹn khi nào góp hết tiền lấy giấy ra đưa cho ông T2, do ông T2 và bà T1 cùng thuê nhà của bà nên bà bảo lãnh, cho đến nay bà T1 không giao giấy tờ cho ông T2. Trong thời gian này bà T1 mượn tiền bà nhiều lần, mỗi lần bao nhiêu, ngày nào không nhớ. Đến ngày 07-01-2021 bà và bà T1 cộng hết nợ thì bà T1 ký giấy nợ số tiền là 35.000.000 đồng. Đến chiều cùng ngày bà T1 dẫn bạn đến hỏi mượn bà số tiền 20.000.000 đồng, lúc đó bà T1 ký tên Hà Ngọc Đ, do bà T1 ở nhà tên Đ. Tổng cộng bà T1 mượn bà số tiền 75.000.000 đồng. Sau đó bà T1 mượn lại xe SH mode biển số 70L1-320.48. Đến ngày thu tiền nhà bà T1 không trả nên bà và bà T1 có lời qua tiếng lại với nhau, tối đến bà Thu d đồ bỏ đi luôn. Từ khi vay tiền đến nay bà T1 chưa trả lãi cho bà. Nay bà yêu cầu một mình bà Hà Thị T1 (Hà Ngọc Đ) phải trả cho bà số tiền vay là 55.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo lãi suất Nhà nước quy định từ ngày 07-01-2021 cho đến ngày giải quyết xong vụ kiện. Bà rút yêu cầu đòi số tiền 20.000.000 đồng và thực hiện hợp đồng mua bán xe biển số 95F1-76506 là giao giấy tờ xe. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- *Người đại diện theo uỷ quyền bà Phạm Thị Thúy A trình bày:* Bà đồng ý với lời trình bày và yêu cầu của bà T, không bổ sung gì thêm. Ngày 23-5-2023 bà có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn đã được Toà án triệu tập để lấy lời khai, công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng bà T1 vắng mặt nên Toà án không làm việc được*.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn vắng mặt, không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Hà Thị T1. Buộc bà T1 có nghĩa vụ trả lại cho bà T số tiền 55.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Đình chỉ yêu cầu của

bà T về số tiền 20.000.000 đồng và yêu cầu thực hiện hợp đồng mua bán xe mô tô biển số 95F1-765.06. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về tố tụng*: Bà T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do, bà A có đơn xin vắng mặt có lý do, nên đưa ra xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sư.

[2] *Về nội dung*: Ngày 25-12-2020 bà T có cho bà Hà Thị T1 có vay số tiền 20.000.000 đồng; ngày 07-01-2021 bà T cho bà T1 vay tiếp 35.000.000 đồng; chiều cùng ngày 07-01-2021 bà T1 vay bà T số tiền 20.000.000 đồng. Tổng cộng bà T1 vay số tiền 75.000.000 đồng. Các lần vay tiền thì bà T viết giấy mượn nợ, bà T1 ký tên và viết họ tên, có lần viết Hà Thị T1, có lần viết Hà Ngọc Đ. Do bà T1 không trả tiền còn bỏ đi, nên bà T yêu cầu một mình bà Hà Thị T1 (Hà Ngọc Đ) phải trả cho bà T số tiền vay là 55.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo lãi suất Nhà nước quy định từ ngày 07-01-2021 cho đến ngày giải quyết xong vụ kiện. Bà T rút yêu cầu đòi số tiền 20.000.000 đồng và thực hiện hợp đồng mua bán xe biển số 95F1-76506 là giao giấy tờ xe.

[2.1] Xét thấy, việc hai bên thỏa thuận vay tài sản, có lập văn bản, có bà T1 (Đ) ký tên. Do không làm việc được với bà T1 nên bà T yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà T1. Tại kết luận giám định số 6275/KL-KLHS ngày 30/12/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thì: Chữ ký, chữ viết họ tên "Hà Thị T1" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A3; chữ ký, chữ viết họ và tên "Hà Ngọc Đ" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Hà Thị T1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 là do cùng một người ký, viết ra. Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà T1, là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự, buộc bà T1 phải trả lại cho bà T số tiền 55.000.000 đồng là phù hợp.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của bà T thấy rằng: khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất, nhưng bà T1 chưa trả lãi, theo giấy mượn nợ không thể hiện có thoả thuận lãi suất. Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của HĐTPTAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc. Do đó, thời gian tính lãi suất bà T yêu cầu là từ ngày vay lần sau là 07-01-2021 đến ngày xét xử với mức lãi suất là 10%/năm là phù hợp nên chấp nhận.

[2.3] Vậy số tiền 55.000.000 đồng từ ngày 07-01-2021 đến ngày nay 26-5-2023 là 02 năm 04 tháng 19 ngày x 10%/năm = 13.123.587 đồng. Cộng vốn lãi là 68.123.587 đồng, làm tròn là 68.124.000 đồng.

[2.4] Do đó, bà T khởi kiện bà T1 yêu cầu trả số tiền 55.000.000 đồng và tiền lãi suất là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Quá trình làm việc, bà T và bà A rút yêu cầu trả số tiền 20.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 07-01-2021 và thực hiện hợp đồng mua bán xe biển số 95F1-76506 là giao giấy tờ xe của bà T với bà T1, nên đình chỉ là phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên bà T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Chi phí giám định: do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên bà T1 phải chịu chi phí giám định là 3.000.000 đồng. Ghi nhận bà T đã nộp 3.000.000 đồng và Toà án đã thanh toán xong, nên số tiền bà T1 nộp sẽ trả lại cho bà T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 227, 228, 273, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Hà Thị T1 (Hà Ngọc Đ).

Buộc bà Hà Thị T1 (Hà Ngọc Đ) có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 55.000.000 đồng và tiền lãi là 13.124.000 đồng, cộng vốn lãi là 68.124.000 (*Sáu mươi tám triệu một trăm hai mươi bốn nghìn*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị T đối với bà Hà Thị T1 (Hà Ngọc Đ) về yêu cầu trả số tiền 20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng và tranh chấp hợp đồng mua bán xe mô tô biển số 95F1-765.06.

3. Án phí: bà Hà Thị T1 (Hà Ngọc Đ) chịu 3.406.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T 2.175.000 (*Hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Toà án số 0026543 ngày 14-4-2022 của Chi cục Thi Hành án dân sự thị xã Trảng Bàng.

4. Chi phí trưng cầu giám định: bà Hà Thị T1 (Hà Ngọc Đ) phải chịu 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng chi phí giám định. Ghi nhận bà T đã nộp 3.000.000 đồng và Toà án đã thanh toán xong, nên số tiền bà T1 nộp sẽ trả lại cho bà T.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị An